

Số: 1599/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học
chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 311/TB-ĐHNH, ngày 31/03/2021 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 146 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao.

(Danh sách đính kèm)

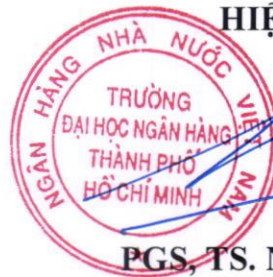


Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN
ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 4 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1599/QĐ-ĐHNH, ngày 16 tháng 5 năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050611230015	Phạm Ngô Phúc	An	31/08/2005	HQ11-BAF20	4/6			
2	050611230049	Lữ Hồng	Anh	06/09/2005	HQ11-BAF12	4/6			
3	050611230068	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/2005	HQ11-ACC04		5.5		
4	050611230040	Hồ Tú	Anh	19/12/2004	HQ11-MAG04	4/6			
5	050609210091	Hoàng Ngọc Bảo	Anh	29/08/2003	HQ9-GE19	4/6			
6	050611230035	Đặng Vân	Anh	15/09/2005	HQ11-BAF07	4/6			
7	050607190044	Vũ Quỳnh	Anh	07/01/2001	HQ7-GE15			77	
8	050611230057	Nguyễn Lan	Anh	10/04/2005	HQ11-BAF19		6.5		
9	050611230059	Nguyễn Lan	Anh	30/06/2005	HQ11-BAF09		5.5		
10	050611230075	Phan Nguyễn Thụy	Anh	24/08/2005	HQ11-BAF12	4/6			
11	050607190034	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/11/2001	HQ7-GE17			71	
12	050607190013	Đặng Thúy	Anh	18/07/2001	HQ7-GE06			66	
13	050611230100	Trịnh Thị Minh	Ánh	28/07/2005	HQ11-BAF16	4/6			
14	050608200023	Nguyễn Khánh	Băng	06/10/2002	HQ8-GE13	4/6			
15	050611230124	Hoàng An	Bình	29/09/2005	HQ11-ACC05	4/6			
16	050611230128	Lê Như	Bình	28/05/2005	HQ11-BAF01	4/6			
17	050611230150	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/10/2005	HQ11-BAF17			74	
18	050611230168	Đào Mạnh	Cường	14/11/2005	HQ11-BAF12	4/6			
19	050611230169	Lương Tuấn	Cường	05/01/2005	HQ11-BAF21	4/6			
20	050611230178	Đỗ Thành	Danh	10/07/2005	HQ11-MAG07	4/6			
21	050609211885	Nguyễn Tiến	Đạt	18/09/2003	HQ9-GE19	4/6			
22	050609211891	Trần Thực	Đoan	23/02/2003	HQ9-GE13				840+290
23	050609210270	Trương Bảo	Duy	06/02/2003	HQ9-GE20			71	
24	050611230228	Đỗ Vĩ	Duy	27/06/2005	HQ11-BAF02		6.0		
25	050611230264	Vũ Ngọc Quỳnh	Giang	24/07/2005	HQ11-BAF08	4/6			
26	050611230254	Lê Quỳnh	Giang	21/09/2005	HQ11-ACC01	4/6			
27	050609211903	Đoàn Nguyệt	Hà	06/07/2003	HQ9-GE20				870+300
28	050609210326	Bùi Thụy Thu	Hà	30/11/2003	HQ9-GE08	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050611230281	Trần Thị Trúc	Hà	10/08/2005	HQ11-BAF06	4/6			
30	050611230283	Đặng Quỳnh Nhật	Hạ	20/07/2005	HQ11-MAG02	4/6			
31	050611230312	Trần Ngọc Bảo	Hân	21/10/2005	HQ11-BAF13	4/6			
32	050608200050	Lê Thị Ngọc	Hân	25/06/2002	HQ8-GE12	4/6			
33	050611230293	Lê Ngọc	Hân	16/04/2005	HQ11-MAG04		5.5		
34	050611230309	Trần Đỗ Gia	Hân	25/12/2005	HQ11-MAG02		5.5		
35	050611230297	Nguyễn Diệp Gia	Hân	28/03/2005	HQ11-MAG03	4/6			
36	050611230325	Đoàn Thanh	Hằng	29/10/2005	HQ11-ACC01	4/6			
37	050608200060	Bùi Nguyễn Diệu	Hiền	23/05/2002	HQ8-GE05			82	
38	050611230360	Phạm Thanh	Hiền	15/04/2005	HQ11-ACC02	4/6			
39	050611230381	Lê Ánh	Hồng	28/05/2005	HQ11-BAF03	4/6			
40	050611230389	Đỗ Trần Hoàng	Hưng	30/07/2005	HQ11-ACC03	4/6			
41	050611230407	Ngô Cẩm	Hương	13/09/2005	HQ11-MAG06	4/6			
42	050611230405	Huỳnh Thị Thanh	Hương	09/01/2005	HQ11-BAF13	4/6			
43	050611230400	Cao Thị Thu	Hương	05/06/2005	HQ11-BAF10	4/6			
44	050611230422	Dương Hồng	Huy	02/11/2005	HQ11-BAF19	4/6			
45	050611230438	Trương Lý Gia	Huy	12/06/2005	HQ11-MAG07	4/6			
46	050611230436	Phan Gia	Huy	31/08/2005	HQ11-ACC01	4/6			
47	050611230425	Lê Minh	Huy	01/01/2005	HQ11-BAF09	4/6			
48	050611230465	Võ Hoàng Lê	Kha	06/04/2005	HQ11-MAG05	4/6			
49	050611230469	Lê Quang	Khải	02/05/2005	HQ11-BAF01	4/6			
50	050608200394	Đỗ Gia	Khánh	29/06/2002	HQ8-GE02		5.5		
51	050611230505	Phạm Đăng	Khoa	23/09/2005	HQ11-ACC01	4/6			
52	050609210571	Hà Sỹ	Khôi	03/11/2003	HQ9-GE07	4/6			
53	050611230529	Trần Lê Hồng	Lam	18/09/2005	HQ11-BAF07	4/6			
54	050611230534	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	19/08/2005	HQ11-BAF19	4/6			
55	050611230583	Nguyễn Trần Thảo	Linh	14/05/2005	HQ11-BAF05	4/6			
56	050609210656	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17/10/2003	HQ9-GE11	4/6			
57	050608200207	Lý Gia	Linh	14/03/2001	HQ8-GE09	4/6			
58	050611230622	Trần Dạ	Lý	28/10/2005	HQ11-BAF14	4/6			
59	050609210724	Nguyễn Đỗ Huỳnh	Mai	04/01/2003	HQ9-GE22		5.5		
60	050611230630	Nguyễn Trần Kiều	Mai	12/06/2005	HQ11-BAF02	4/6			
61	050609210748	Phạm Đức	Minh	07/04/2003	HQ9-GE11		5.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050609210740	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	07/10/2003	HQ9-GE06	4/6			
63	050611230652	Nguyễn Hoàng	Minh	02/06/2004	HQ11-MAG07	4/6			
64	050611230657	Nguyễn Thị Khánh	Minh	20/09/2005	HQ11-MAG07	4/6			
65	050611230685	Trần Quỳnh Bảo	My	02/03/2005	HQ11-BAF12	4/6			
66	050611230677	Nguyễn Ngọc Trà	My	25/08/2005	HQ11-BAF20	4/6			
67	050611230681	Trần Khánh	My	10/11/2005	HQ11-MAG05		6.0		
68	050611230682	Trần Ngọc Thảo	My	29/05/2005	HQ11-BAF20	4/6			
69	050611230699	Nguyễn Bá Hải	Nam	24/07/2005	HQ11-MAG02	4/6			
70	050611230701	Nguyễn Lâm Vương	Nam	02/05/2005	HQ11-BAF03	4/6			
71	050609210815	Lê Thị Nam	Nga	22/10/2003	HQ9-GE04		6.0		
72	050611230708	Văn Thiên	Nga	09/08/2005	HQ11-MAG03	4/6			
73	050607190301	Võ Thị Thu	Ngân	10/03/2001	HQ7-GE10		5.5		
74	050611230733	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	03/07/2005	HQ11-BAF03	4/6			
75	050611230729	Nguyễn Ngọc	Ngân	19/01/2005	HQ11-ACC04	4/6			
76	050610220337	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	03/09/2004	HQ10-GE15	4/6			
77	050611230780	Đoàn Hồng	Ngọc	18/12/2005	HQ11-BAF10		5.5		
78	050611230776	Đầu Xuân Khánh	Ngọc	08/01/2005	HQ11-MAG01	4/6			
79	050611230794	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	02/04/2005	HQ11-MAG07	4/6			
80	050611230809	Quách Bảo	Ngọc	28/10/2005	HQ11-BAF01	4/6			
81	050611230825	Lương Phúc	Nguyên	26/04/2005	HQ11-BAF02	4/6			
82	050611230826	Ngô Nguyễn Hoài	Nguyên	08/02/2005	HQ11-BAF20		5.5		
83	050611230884	Nguyễn Thảo Uyên	Nhi	07/07/2005	HQ11-ACC05	4/6			
84	050609210989	Ông Gia	Nhi	20/09/2003	HQ9-GE03		6.0		
85	050611230861	Cao Hoài Yến	Nhi	12/03/2005	HQ11-BAF19	4/6			
86	050611230858	Bạch Dương	Nhi	10/09/2005	HQ11-BAF10	4/6			
87	050611230917	Huỳnh Lý Uyên	Như	10/05/2005	HQ11-ACC01	4/6			
88	050611230916	Hồ Đoàn Tâm	Như	09/07/2005	HQ11-MAG06	4/6			
89	050609212108	Đoàn Mỹ	Nhung	14/02/2003	HQ9-GE16	4/6			
90	050610221224	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	25/12/2003	HQ10-GE15		7.0		
91	050611230971	Lâm Thành	Phát	17/03/2005	HQ11-MAG02	4/6			
92	050611230999	Nguyễn Thiên	Phúc	08/05/2005	HQ11-MAG01	4/6			
93	050611231017	Nguyễn Trần Quỳnh	Phương	11/12/2005	HQ11-BAF01	4/6			
94	050611231012	Ngô Hoàng Uyên	Phương	30/11/2005	HQ11-MAG04	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
95	050611231021	Trần Huyền	Phuong	24/03/2005	HQ11-ACC01	4/6			
96	050607190421	Huỳnh Phú	Quý	15/11/2001	HQ7-GE16	4/6			
97	110302200043	Trần Ngọc Thảo	Quyên	28/05/2001	HQ8-GE06	4/6			
98	050611231072	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	03/03/2005	HQ11-BAF06	4/6			
99	050609212170	Trần Thị Diễm	Quỳnh	27/07/2003	HQ9-GE10	4/6			
100	050609212163	Nguyễn Đăng Như	Quỳnh	02/12/2003	HQ9-GE05	4/6			
101	050609212171	Trần Thị Như	Quỳnh	29/09/2003	HQ9-GE25		6.0		
102	050611231074	Nguyễn Yến	Quỳnh	10/01/2005	HQ11-ACC05	4/6			
103	050609211244	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	28/10/2003	HQ9-GE25		6.5		
104	050611231087	Võ Minh	Sang	15/08/2005	HQ11-BAF18	4/6			
105	050608200608	Nguyễn Trí	Tài	21/05/2002	HQ8-GE16	4/6			
106	050611231108	Phan Chí	Tấn	06/07/2005	HQ11-BAF03		6.5		
107	030135190533	Đoàn Minh	Thắng	14/06/2001	HQ7-GE03		5.5		
108	050608200644	Nguyễn Phú	Thành	20/10/2002	HQ8-GE13	4/6			
109	050611231138	Đinh Mai	Thảo	02/07/2005	HQ11-BAF01	4/6			
110	050611231147	Lê Thanh	Thảo	07/09/2005	HQ11-BAF10	4/6			
111	050609211362	Nguyễn Hồng Nhã	Thi	05/06/2003	HQ9-GE26	4/6			
112	050611231189	Từ Trương Hoài	Thu	07/06/2005	HQ11-BAF12	4/6			
113	050609212244	Võ Thị Thanh	Thư	13/06/2003	HQ9-GE26		5.5		
114	050609211382	Huỳnh Anh	Thư	30/09/2003	HQ9-GE10			75	
115	050610221369	Nguyễn Hồng Anh	Thư	03/06/2004	HQ10-GE28		5.5		
116	050611231247	Võ Lê	Thư	26/02/2005	HQ11-BAF10		5.5		
117	050611231230	Phạm Khuê Cát	Thư	21/11/2005	HQ11-BAF10	4/6			
118	050608200161	Nguyễn Thị Thu	Thuyền	12/11/2002	HQ8-GE13	4/6			
119	050611231275	Kiều Minh	Thy	28/08/2005	HQ11-BAF18		6.0		
120	050611231284	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	29/01/2005	HQ11-MAG06	4/6			
121	050611231319	Phan Thị Ngọc	Trâm	10/07/2005	HQ11-BAF16		5.5		
122	050611231357	Nguyễn Phan Bảo	Trân	31/01/2005	HQ11-MAG03	4/6			
123	050611231347	Nguyễn Bảo	Trân	09/12/2005	HQ11-MAG07	4/6			
124	050609212284	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	23/07/2003	HQ9-GE04	4/6			
125	050611231346	Ngô Bảo	Trân	21/03/2005	HQ11-MAG06	4/6			
126	050608200725	Vũ Thị Thanh	Trang	29/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
127	050611231382	Đoàn Trần Thanh	Trang	02/05/2005	HQ11-MAG06	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
128	050607190599	Nguyễn Huy	Trường	26/04/2001	HQ7-GE09	4/6			
129	050608200635	Trần Ngọc	Tuyền	20/05/2002	HQ8-GE12	4/6			
130	050609211648	Nguyễn Phạm Thanh	Tuyền	11/06/2003	HQ9-GE18		6.0		
131	050609211675	Nguyễn Khánh	Uyên	22/07/2003	HQ9-GE28	4/6			
132	050611231518	Võ Ngọc Nhã	Uyên	22/04/2005	HQ11-BAF08		6.0		
133	050611231516	Phạm Nhã	Uyên	31/12/2005	HQ11-MAG05	4/6			
134	050611231526	Nguyễn Hải	Vân	22/09/2005	HQ11-ACC04	4/6			
135	050608200761	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	11/11/2002	HQ8-GE20			79	
136	050611231520	Huỳnh Thị Thanh	Vân	15/11/2005	HQ11-BAF02	4/6			
137	050607190639	Phạm Ngọc Thảo	Vi	28/02/2001	HQ7-GE13	4/6			
138	050611231558	Nguyễn Quốc	Vương	04/07/2005	HQ11-BAF08	4/6			
139	050611231579	Nguyễn Hải	Vy	13/06/2005	HQ11-BAF15	4/6			
140	050609211742	Lê Khánh	Vy	18/05/2003	HQ9-GE28	4/6			
141	050611231563	Đặng Tường	Vy	18/09/2005	HQ11-MAG06	4/6			
142	030134180657	Phạm Thị Thanh	Vy	09/07/2000	HQ6-GE01	4/6			
143	050611231591	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/12/2005	HQ11-ACC02		5.5		
144	050611231624	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	14/04/2005	HQ11-BAF17	4/6			
145	050609212350	Nguyễn Thị Như	Ý	14/02/2003	HQ9-GE28	4/6			
146	050611231634	Huỳnh Hải	Yến	04/11/2005	HQ11-BAF04		6.0		

Tổng số: 146 sinh viên



STATE BANK OF VIETNAM

HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

No: 1599 /QĐ-ĐHNH

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Ho Chi Minh City, May 16, 2025

DECISION

On Regarding the recognition of English proficiency meeting the graduation requirement for full-time undergraduate students of the Partially English-Taught Program (CLC) in April 2025

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Resolution No. 35/NQ-ĐHNH-HĐT (April 5, 2024) on the reorganization and renaming of several units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on organization and management of undergraduate training at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 311/TB-ĐHNH (March 31th, 2021) on the application of foreign language graduation requirements for full-time undergraduate high-quality programs

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.

DECISION:

Article 1: Recognition of meeting the English proficiency graduation requirement according to the training program for 146 full-time undergraduate students of the Partially English-Taught High-Quality Program.

(List attached)

Article 2: Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.



Article 3: The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision. *W*

Recipients:

- As Article 3 (for implementation);
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

RECTOR

(Signed)

Nguyen Duc Trung



**List of Full-Time Undergraduate Students of the Partially English-Taught Program (CLC)
Recognized as Meeting the English Proficiency Graduation Requirement – April 2025
Intake**

Issued together with Decision No: 599/QĐ-ĐHNH, dated 06 / 5 / 2025 by the Rector of Banking University of Ho Chi Minh City

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050611230015	Phạm Ngô Phúc	An	31/08/2005	HQ11-BAF20	4/6			
2	050611230049	Lữ Hồng	Anh	06/09/2005	HQ11-BAF12	4/6			
3	050611230068	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/2005	HQ11-ACC04		5,5		
4	050611230040	Hồ Tú	Anh	19/12/2004	HQ11-MAG04	4/6			
5	050609210091	Hoàng Ngọc Bảo	Anh	29/08/2003	HQ9-GE19	4/6			
6	050611230035	Đặng Vân	Anh	15/09/2005	HQ11-BAF07	4/6			
7	050607190044	Vũ Quỳnh	Anh	07/01/2001	HQ7-GE15			77	
8	050611230057	Nguyễn Lan	Anh	10/04/2005	HQ11-BAF19		6,5		
9	050611230059	Nguyễn Lan	Anh	30/06/2005	HQ11-BAF09		5,5		
10	050611230075	Phan Nguyễn Thụy	Anh	24/08/2005	HQ11-BAF12	4/6			
11	050607190034	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/11/2001	HQ7-GE17			71	
12	050607190013	Đặng Thúy	Anh	18/07/2001	HQ7-GE06			66	
13	050611230100	Trịnh Thị Minh	Ánh	28/07/2005	HQ11-BAF16	4/6			
14	050608200023	Nguyễn Khánh	Băng	06/10/2002	HQ8-GE13	4/6			
15	050611230124	Hoàng An	Bình	29/09/2005	HQ11-ACC05	4/6			
16	050611230128	Lê Như	Bình	28/05/2005	HQ11-BAF01	4/6			
17	050611230150	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/10/2005	HQ11-BAF17			74	
18	050611230168	Đào Mạnh	Cường	14/11/2005	HQ11-BAF12	4/6			
19	050611230169	Lương Tuấn	Cường	05/01/2005	HQ11-BAF21	4/6			
20	050611230178	Đỗ Thành	Danh	10/07/2005	HQ11-MAG07	4/6			
21	050609211885	Nguyễn Tiến	Đạt	18/09/2003	HQ9-GE19	4/6			
22	050609211891	Trần Thục	Đoan	23/02/2003	HQ9-GE13				840+290
23	050609210270	Trương Bảo	Duy	06/02/2003	HQ9-GE20			71	
24	050611230228	Đỗ Vĩ	Duy	27/06/2005	HQ11-BAF02		6,0		
25	050611230264	Vũ Ngọc Quỳnh	Giang	24/07/2005	HQ11-BAF08	4/6			
26	050611230254	Lê Quỳnh	Giang	21/09/2005	HQ11-ACC01	4/6			
27	050609211903	Đoàn Nguyệt	Hà	06/07/2003	HQ9-GE20				870+300
28	050609210326	Bùi Thụy Thu	Hà	30/11/2003	HQ9-GE08	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050611230281	Trần Thị Trúc	Hà	10/08/2005	HQ11-BAF06	4/6			
30	050611230283	Đặng Quỳnh Nhật	Hạ	20/07/2005	HQ11-MAG02	4/6			
31	050611230312	Trần Ngọc Bảo	Hân	21/10/2005	HQ11-BAF13	4/6			
32	050608200050	Lê Thị Ngọc	Hân	25/06/2002	HQ8-GE12	4/6			
33	050611230293	Lê Ngọc	Hân	16/04/2005	HQ11-MAG04		5,5		
34	050611230309	Trần Đỗ Gia	Hân	25/12/2005	HQ11-MAG02		5,5		
35	050611230297	Nguyễn Diệp Gia	Hân	28/03/2005	HQ11-MAG03	4/6			
36	050611230325	Đoàn Thanh	Hằng	29/10/2005	HQ11-ACC01	4/6			
37	050608200060	Bùi Nguyễn Diệu	Hiền	23/05/2002	HQ8-GE05			82	
38	050611230360	Phạm Thanh	Hiền	15/04/2005	HQ11-ACC02	4/6			
39	050611230381	Lê Ánh	Hồng	28/05/2005	HQ11-BAF03	4/6			
40	050611230389	Đỗ Trần Hoàng	Hưng	30/07/2005	HQ11-ACC03	4/6			
41	050611230407	Ngô Cẩm	Hương	13/09/2005	HQ11-MAG06	4/6			
42	050611230405	Huỳnh Thị Thanh	Hương	09/01/2005	HQ11-BAF13	4/6			
43	050611230400	Cao Thị Thu	Hương	05/06/2005	HQ11-BAF10	4/6			
44	050611230422	Dương Hồng	Huy	02/11/2005	HQ11-BAF19	4/6			
45	050611230438	Trương Lý Gia	Huy	12/06/2005	HQ11-MAG07	4/6			
46	050611230436	Phan Gia	Huy	31/08/2005	HQ11-ACC01	4/6			
47	050611230425	Lê Minh	Huy	01/01/2005	HQ11-BAF09	4/6			
48	050611230465	Võ Hoàng Lê	Kha	06/04/2005	HQ11-MAG05	4/6			
49	050611230469	Lê Quang	Khải	02/05/2005	HQ11-BAF01	4/6			
50	050608200394	Đỗ Gia	Khánh	29/06/2002	HQ8-GE02		5,5		
51	050611230505	Phạm Đăng	Khoa	23/09/2005	HQ11-ACC01	4/6			
52	050609210571	Hà Sỹ	Khôi	03/11/2003	HQ9-GE07	4/6			
53	050611230529	Trần Lê Hồng	Lam	18/09/2005	HQ11-BAF07	4/6			
54	050611230534	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	19/08/2005	HQ11-BAF19	4/6			
55	050611230583	Nguyễn Trần Thảo	Linh	14/05/2005	HQ11-BAF05	4/6			
56	050609210656	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17/10/2003	HQ9-GE11	4/6			
57	050608200207	Lý Gia	Linh	14/03/2001	HQ8-GE09	4/6			
58	050611230622	Trần Dạ	Lý	28/10/2005	HQ11-BAF14	4/6			
59	050609210724	Nguyễn Đỗ Huỳnh	Mai	04/01/2003	HQ9-GE22		5,5		
60	050611230630	Nguyễn Trần Kiều	Mai	12/06/2005	HQ11-BAF02	4/6			
61	050609210748	Phạm Đức	Minh	07/04/2003	HQ9-GE11		5,5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050609210740	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	07/10/2003	HQ9-GE06	4/6			
63	050611230652	Nguyễn Hoàng	Minh	02/06/2004	HQ11-MAG07	4/6			
64	050611230657	Nguyễn Thị Khánh	Minh	20/09/2005	HQ11-MAG07	4/6			
65	050611230685	Trần Quỳnh Bảo	My	02/03/2005	HQ11-BAF12	4/6			
66	050611230677	Nguyễn Ngọc Trà	My	25/08/2005	HQ11-BAF20	4/6			
67	050611230681	Trần Khánh	My	10/11/2005	HQ11-MAG05		6,0		
68	050611230682	Trần Ngọc Thảo	My	29/05/2005	HQ11-BAF20	4/6			
69	050611230699	Nguyễn Bá Hải	Nam	24/07/2005	HQ11-MAG02	4/6			
70	050611230701	Nguyễn Lâm Vương	Nam	02/05/2005	HQ11-BAF03	4/6			
71	050609210815	Lê Thị Nam	Nga	22/10/2003	HQ9-GE04		6,0		
72	050611230708	Văn Thiên	Nga	09/08/2005	HQ11-MAG03	4/6			
73	050607190301	Võ Thị Thu	Ngân	10/03/2001	HQ7-GE10		5,5		
74	050611230733	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	03/07/2005	HQ11-BAF03	4/6			
75	050611230729	Nguyễn Ngọc	Ngân	19/01/2005	HQ11-ACC04	4/6			
76	050610220337	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	03/09/2004	HQ10-GE15	4/6			
77	050611230780	Đoàn Hồng	Ngọc	18/12/2005	HQ11-BAF10		5,5		
78	050611230776	Đầu Xuân Khánh	Ngọc	08/01/2005	HQ11-MAG01	4/6			
79	050611230794	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	02/04/2005	HQ11-MAG07	4/6			
80	050611230809	Quách Bảo	Ngọc	28/10/2005	HQ11-BAF01	4/6			
81	050611230825	Lương Phúc	Nguyên	26/04/2005	HQ11-BAF02	4/6			
82	050611230826	Ngô Nguyễn Hoài	Nguyên	08/02/2005	HQ11-BAF20		5,5		
83	050611230884	Nguyễn Thảo Uyên	Nhi	07/07/2005	HQ11-ACC05	4/6			
84	050609210989	Ông Gia	Nhi	20/09/2003	HQ9-GE03		6,0		
85	050611230861	Cao Hoài Yến	Nhi	12/03/2005	HQ11-BAF19	4/6			
86	050611230858	Bạch Dương	Nhi	10/09/2005	HQ11-BAF10	4/6			
87	050611230917	Huỳnh Lý Uyên	Như	10/05/2005	HQ11-ACC01	4/6			
88	050611230916	Hồ Đoàn Tâm	Như	09/07/2005	HQ11-MAG06	4/6			
89	050609212108	Đoàn Mỹ	Nhung	14/02/2003	HQ9-GE16	4/6			
90	050610221224	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	25/12/2003	HQ10-GE15		7,0		
91	050611230971	Lâm Thành	Phát	17/03/2005	HQ11-MAG02	4/6			
92	050611230999	Nguyễn Thiên	Phúc	08/05/2005	HQ11-MAG01	4/6			
93	050611231017	Nguyễn Trần Quỳnh	Phương	11/12/2005	HQ11-BAF01	4/6			
94	050611231012	Ngô Hoàng Uyên	Phương	30/11/2005	HQ11-MAG04	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
95	050611231021	Trần Huyền	Phuong	24/03/2005	HQ11-ACC01	4/6			
96	050607190421	Huỳnh Phú	Quý	15/11/2001	HQ7-GE16	4/6			
97	110302200043	Trần Ngọc Thảo	Quyên	28/05/2001	HQ8-GE06	4/6			
98	050611231072	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	03/03/2005	HQ11-BAF06	4/6			
99	050609212170	Trần Thị Diễm	Quỳnh	27/07/2003	HQ9-GE10	4/6			
100	050609212163	Nguyễn Đặng Như	Quỳnh	02/12/2003	HQ9-GE05	4/6			
101	050609212171	Trần Thị Như	Quỳnh	29/09/2003	HQ9-GE25		6,0		
102	050611231074	Nguyễn Yến	Quỳnh	10/01/2005	HQ11-ACC05	4/6			
103	050609211244	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	28/10/2003	HQ9-GE25		6,5		
104	050611231087	Võ Minh	Sang	15/08/2005	HQ11-BAF18	4/6			
105	050608200608	Nguyễn Trí	Tài	21/05/2002	HQ8-GE16	4/6			
106	050611231108	Phan Chí	Tấn	06/07/2005	HQ11-BAF03		6,5		
107	030135190533	Đoàn Minh	Thắng	14/06/2001	HQ7-GE03		5,5		
108	050608200644	Nguyễn Phú	Thành	20/10/2002	HQ8-GE13	4/6			
109	050611231138	Đinh Mai	Thảo	02/07/2005	HQ11-BAF01	4/6			
110	050611231147	Lê Thanh	Thảo	07/09/2005	HQ11-BAF10	4/6			
111	050609211362	Nguyễn Hồng Nhã	Thi	05/06/2003	HQ9-GE26	4/6			
112	050611231189	Từ Trương Hoài	Thu	07/06/2005	HQ11-BAF12	4/6			
113	050609212244	Võ Thị Thanh	Thư	13/06/2003	HQ9-GE26		5,5		
114	050609211382	Huỳnh Anh	Thư	30/09/2003	HQ9-GE10			75	
115	050610221369	Nguyễn Hồng Anh	Thư	03/06/2004	HQ10-GE28		5,5		
116	050611231247	Võ Lê	Thư	26/02/2005	HQ11-BAF10		5,5		
117	050611231230	Phạm Khuê Cát	Thư	21/11/2005	HQ11-BAF10	4/6			
118	050608200161	Nguyễn Thị Thu	Thuyền	12/11/2002	HQ8-GE13	4/6			
119	050611231275	Kiều Minh	Thy	28/08/2005	HQ11-BAF18		6,0		
120	050611231284	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	29/01/2005	HQ11-MAG06	4/6			
121	050611231319	Phan Thị Ngọc	Trâm	10/07/2005	HQ11-BAF16		5,5		
122	050611231357	Nguyễn Phan Bảo	Trân	31/01/2005	HQ11-MAG03	4/6			
123	050611231347	Nguyễn Bảo	Trân	09/12/2005	HQ11-MAG07	4/6			
124	050609212284	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	23/07/2003	HQ9-GE04	4/6			
125	050611231346	Ngô Bảo	Trân	21/03/2005	HQ11-MAG06	4/6			
126	050608200725	Vũ Thị Thanh	Trang	29/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
127	050611231382	Đoàn Trần Thanh	Trang	02/05/2005	HQ11-MAG06	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
128	050607190599	Nguyễn Huy	Trường	26/04/2001	HQ7-GE09	4/6			
129	050608200635	Trần Ngọc	Tuyền	20/05/2002	HQ8-GE12	4/6			
130	050609211648	Nguyễn Phạm Thanh	Tuyền	11/06/2003	HQ9-GE18		6,0		
131	050609211675	Nguyễn Khánh	Uyên	22/07/2003	HQ9-GE28	4/6			
132	050611231518	Võ Ngọc Nhã	Uyên	22/04/2005	HQ11-BAF08		6,0		
133	050611231516	Phạm Nhã	Uyên	31/12/2005	HQ11-MAG05	4/6			
134	050611231526	Nguyễn Hải	Vân	22/09/2005	HQ11-ACC04	4/6			
135	050608200761	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	11/11/2002	HQ8-GE20			79	
136	050611231520	Huỳnh Thị Thanh	Vân	15/11/2005	HQ11-BAF02	4/6			
137	050607190639	Phạm Ngọc Thảo	Vi	28/02/2001	HQ7-GE13	4/6			
138	050611231558	Nguyễn Quốc	Vương	04/07/2005	HQ11-BAF08	4/6			
139	050611231579	Nguyễn Hải	Vy	13/06/2005	HQ11-BAF15	4/6			
140	050609211742	Lê Khánh	Vy	18/05/2003	HQ9-GE28	4/6			
141	050611231563	Đặng Tường	Vy	18/09/2005	HQ11-MAG06	4/6			
142	030134180657	Phạm Thị Thanh	Vy	09/07/2000	HQ6-GE01	4/6			
143	050611231591	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/12/2005	HQ11-ACC02		5,5		
144	050611231624	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	14/04/2005	HQ11-BAF17	4/6			
145	050609212350	Nguyễn Thị Như	Ý	14/02/2003	HQ9-GE28	4/6			
146	050611231634	Huỳnh Hải	Yến	04/11/2005	HQ11-BAF04		6,0		

Total: 146 students